

Quan điểm giải thoát trong Tiểu Kinh Thí Dụ Lỗi Cây

ISSN: 2734-9195 08:05 04/06/2025

Tâm giải thoát bất động là mục đích của phạm hạnh, là lỗi cây, là hạnh phúc chân thật không hề có sự khổ đau; còn lợi dưỡng, danh vọng, giới đức, thiên định, tri kiến đều không phải mục đích của phạm hạnh được, không phải lỗi cây, là hạnh phúc tạm thời của thế giới vật chất vô thường.

Tác giả: **Thích nữ Huệ Tâm**

Học viên Thạc sĩ khóa II - Học viện PGVN tại Huế

Tất cả tôn giáo, bất luận thuộc hình thái nào, đều lấy yêu cầu giải thoát làm bối cảnh, tuy nhiên không phải tôn giáo nào cũng chủ trương hết thảy là ý thức.

Nếu chủ trương yêu cầu giải thoát xuất phát từ ý thức thì sinh hoạt quan của nhân loại sẽ trở thành một vấn đề hết sức phức tạp và nan giải.

Tư tưởng giải thoát là đặc trưng của một nền tôn giáo cao đẳng, bởi lẽ thời thái sơ những tôn giáo tự nhiên mà loài người sản sinh ra chỉ là những tôn giáo tự nhiên nên chưa có được tư tưởng đó.

Đứng về mặt biểu tượng mà nói, có phải tất cả tôn giáo đều đồng nhất về giải thoát và nội dung của giải thoát không?

Trên căn bản, tuy cũng có điểm cộng thông, nhưng về mặt hình thức biểu tượng, giữa các tôn giáo có nhiều điểm bất đồng. Nghĩa là các tôn giáo tuy cũng chủ trương chủ nghĩa giải thoát, nhưng phần nhiều đứng trên các lập trường khác nhau. Xa hơn nữa, cũng có tôn giáo tuy chủ trương chủ nghĩa giải thoát, nhưng khi khảo sát, người ta không hiểu rõ nội dung của giải thoát đó là gì. Nền tảng cơ bản về mặt tôn giáo của Đức là sự phản tỉnh tự tâm. Dù đối với lòng mong muốn một cuộc sống vô hạn hay yêu cầu giải thoát tất cả đều phát sinh từ nội tâm của ta. Đã thế thì sự giải quyết tối hậu tất nhiên phải tìm ngay trong tự tâm.

Như ai cũng biết, lời dạy cuối cùng của Đức Phật là: *“Hãy tự mình thấp đuốc lên, hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa Chính Pháp, chứ đừng nương tựa vào một nơi nào khác”*. Đó là những lời minh chứng rõ ràng về ý nghĩa trên đây và từ đó về sau lập trường của Phật giáo đều lấy đó làm chủ nghĩa quán thông.

Theo Phật giáo, người thể nhập được sinh mệnh vô hạn quyết không thể dựa vào phương pháp biểu tượng hóa tích cực mà tìm cầu được, trái lại, phải bắt đầu giải phóng những hạn chế đó, cho nên phải bắt đầu từ cái cá thể bất hợp lý của ngã chấp, ngã dục để giải phóng chính mình.



Hình minh họa (nguồn: Internet)

Song khi thể nghiệm được sinh mệnh vô hạn thì tự mình biến thành nội dung của sự thể nghiệm, đó là một lập trường mới về tôn giáo của Phật giáo. Nói một cách đơn giản thì lập trường của Phật giáo là lấy giải thoát làm mục đích và đằng sau đó dự tưởng một sinh mệnh vô hạn nhưng vô hạn sinh mệnh đó chỉ được thể nghiệm nội tại chứ không biểu tượng hóa đó có thể nói là một hình thức tôn giáo mới, tuy thần bí nhưng rất hợp lý.

Các tôn giáo phổ thông lấy vô hạn sinh mệnh làm tiêu biểu bên ngoài, biến nó thành một hình thái nhất định để biểu tượng hóa, Phật giáo lấy giải thoát làm tiêu biểu bên ngoài mà vô hạn sinh mệnh vẫn không biểu tượng, nếu nói một cách miễn cưỡng thì đem sức “không” vào nội tâm tất cả đều quy về nhất tâm, đó là lập trường độc hữu của Phật giáo.

Quan điểm giải thoát trong Đạo Phật

Định nghĩa

“Giải thoát” theo từ điển tiếng Việt phổ thông giải thích: Một là cứu khỏi sự trói buộc; hai là cứu vớt ra khỏi biển khổ.

Từ điển Phật học thì giải thích có tính học thuật sâu hơn: “Giải thoát” là cởi bỏ được sự trói buộc của phiền não mà vượt thoát khỏi thế giới mê muội khổ đau; là ra khỏi sự trói buộc trong ba cõi. Có thể hiểu là dứt tuyệt nguyên nhân sinh tử luân hồi nghiệp báo; là không bị những luyến ái trói buộc cái tâm; là đạt được sự siêu thoát vượt qua sự trói buộc của thế giới trần tục, khỏi sự chi phối của dục vọng; là thoát khỏi ảo tưởng và khổ, thoát khỏi sự tái sinh trong luân hồi và đạt Niết bàn.

Phật học từ điển của Đoàn Trung Còn giải thích sâu hơn: “Giải thoát” dịch âm theo Phạn ngữ là Mộc đề, Mộc xoa. Giải: là lìa khỏi sự trói buộc, được tự tại, mở những dây trói buộc của Nghiệp lasso. Thoát: là ra ngoài quả khổ tam giới, tức 3 giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới). Giải thoát đối nghĩa với kết, hệ phược.

1) Giải thoát tức là Niết bàn.

2) Giải thoát cũng kêu là Thiên định như Tam giải thoát, Bát giải thoát, Bát tư nghị giải thoát. Vì nhờ cái đức của thiên định mà thoát ra khỏi vòng trói buộc, trở nên tự tại.

Giải thoát tức là Niết bàn, nó là thể Niết bàn, vì lìa tất cả sự trói buộc. Như sự giải thoát khỏi ngũ uẩn từ Sắc giải thoát tới Thức giải thoát, kêu là năm thứ Niết

bàn (ngũ chủng Niết bàn). Giải thoát là một trong ngũ phần Pháp thân.

Đạo Phật cũng gọi là giải thoát đạo; giới hạnh đạo Phật cũng kêu là giải thoát giới; áo cà sa cũng kêu là giải thoát phục, thoát y, vì thầy đều có tính cách giải thoát.

Giải thoát có hai thứ:

1) Tính tịnh giải thoát: bốn tính của chúng sinh vốn thanh tịnh, không có cái tướng hệ phược, nhiễm ô.

2) Chướng tận giải thoát: Bốn tính của chúng sinh tuy thanh tịnh, nhưng vì vô thủy đến nay họ bị phiền não làm mê hoặc, chẳng có thể hiện ra cái bản tính của mình, nên nay mới đoạn tuyệt cái hoặc chướng ấy mà được giải thoát tự tại.

Giải thoát có hai cảnh: về sự và lý.

Về sự, tức là giải thoát khỏi vòng khổ não, tai nạn đương trói buộc cái thân. Như giải thoát khỏi ba nẻo: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh; giải thoát khỏi pháp luật, tù ngục, khỏi thủy nạn, hỏa nạn, nạn cướp, nạn thú dữ...

Về lý, tức giải thoát khỏi tất cả những mối phiền não, những dây luyến ái đã từng trói buộc cái tâm. Như giải thoát khỏi vòng luân hồi mà đắc quả Thánh: La Hán, Duyên giác, Bồ tát, Phật.

Về lý, lại có hai lẽ giải thoát:

1. **a) Tâm thiện giải thoát:** tâm ý khéo thì lìa khỏi các mối trói buộc là (tham, sân, si)
- 2.
3. **b) Huệ thiện giải thoát:** trí huệ khéo giải thoát, không bị chướng ngại bởi một pháp nào, biết thông hiểu tất cả. Đó là hai lẽ giải thoát của Bồ tát.

Niết bàn kinh: Đức Phật tự mình đã giải thoát, lại đem pháp giải thoát mà diễn thuyết với chúng sinh, cho nên gọi Ngài là Vô Thượng Sư.

Khái niệm nội hàm về giải thoát trong Phật giáo rất rộng, đây là mục đích tối hậu của giáo lý đạo Phật. Để chúng ta từng bước nắm được các cấp độ giải thoát, trong giáo lý đức Phật dạy cũng như các Tổ thầy thường đưa ra những dẫn chứng cụ thể.

Theo HT.Thích Thiện Siêu trình bày “Giải thoát” bao gồm: giải thoát hoàn cảnh, giải thoát tâm và giải thoát hoàn toàn. Giải thoát hoàn cảnh gồm cải tạo hoàn cảnh vật chất cho thật tốt đẹp và không chú trọng đến hoàn cảnh bên ngoài để

không bị ràng buộc. Giải thoát tâm tức giải thoát tất cả phiền não ràng buộc làm cho con người đau khổ.

Giải thoát hoàn toàn là không còn bị thời gian và không gian hạn chế, không còn bị tâm lý sinh lý tầm thường chi phối. Trí tuệ thấy rõ các pháp bất nhị nên không bị ràng buộc khi ở thế gian và cũng không phải tìm cách ra khỏi ba cõi.

Như vậy, “Giải thoát” là tâm không bị ràng buộc bởi hoàn cảnh, các phiền não, và ngay cả ý niệm bỉ thử, sinh tử Niết-bàn.

Quan điểm giải thoát

Phật giáo không thừa nhận một thế giới quan thần quyền lại cũng không thừa nhận cái “Ngã” cá nhân bất biến, mà chủ trương hết thảy đều do nhân duyên hòa hợp mà hiển hiện, và sở cứ của nhân duyên là ý chí của chúng ta.

Nếu muốn được giải thoát, con người phải cắt đứt mọi nhân duyên, nghĩa là diệt hết dục vọng của ý chí. Theo các học phái khác, giải thoát tức là đưa cái Tiểu ngã của cá nhân trở về với Đại ngã của một đấng sáng tạo ra vũ trụ. Nhưng Phật giáo vì không thừa nhận thần quyền, nên gọi giải thoát là Niết bàn, mà Niết bàn theo nghĩa đen là “dập tắt”, nghĩa là dập tắt hết dục.



Hình minh họa (nguồn: Internet)

Trong đạo Phật, hai từ “Giải thoát” được đề cập tới một cách sâu sắc hơn. Giải thoát cao nhất theo triết lý nhà Phật là trạng thái tinh thần con người được tự do, tự tại trước những buồn vui thương ghét hạnh phúc hay đau khổ của bản

thân hay người ngoài cuộc. Tâm người ấy thanh tịnh tuyệt đối do đoạn tận hết những tập khí, đam mê, dục vọng, dập tắt ngọn lửa ngấm tham, sân, si là gốc rễ của mọi đau khổ.

Các bậc thánh nhân đã chấm dứt dòng nhân quả nghiệp báo, lậu hoặc, vượt qua biển khổ vô minh, lên bờ giác ngộ giải thoát. Còn chúng sinh thì đa phần sống trong cảnh trái ngang đau khổ nên người nào cũng muốn xa lìa khổ ải, tìm kiếm niềm vui, mong cầu giải thoát. Nhưng muốn giải thoát không phải là chuyện ngày một ngày hai, bởi lẽ phàm nhân nên thường bị mê lầm, khiến nhận thức và hành vi biến thành nô lệ của bản ngã ích kỷ, chạy theo ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù; hoặc làm nô lệ cho sáu giác quan mê đắm với sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Các học giả Phật giáo cho rằng hệ thống giáo lý của đạo Phật nhằm vào một mục tiêu cao thượng, đó là hướng dẫn phương pháp, đường lối tu tập để hành giả đạt Giác ngộ Giải thoát. Cho nên mới nói đạo Phật là đạo Giải thoát.

Trong kinh điển Phật giáo, có ghi lại lời tuyên bố của Đức Phật: “Này các Tỷ-kheo, nước của đại dương chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, pháp và luật của ta nói ra cũng chỉ có một vị, đó là vị giải thoát” (Udana, Tự Thuyết Kinh).

Qua lời tuyên bố này, chúng ta thấy Đức Phật đã so sánh giáo Pháp của Ngài như bốn bể đại dương. Đại dương chỉ có một vị là vị mặn. Còn Chính Pháp trong đạo Phật cũng có một vị duy nhất là vị giải thoát.

Đức Phật đã xác định rằng mục đích duy nhất của đạo Phật là giúp chúng sinh tu tập để đến chỗ giải thoát giác ngộ.

Trên lộ trình tu tập giải thoát thì Niết-Bàn là mục tiêu giải thoát cao nhất. “Niết-Bàn” tiếng Phạn là Nirvana có nghĩa là diệt độ. Diệt độ ở đây không có nghĩa là triệt tiêu hay tiêu diệt. Bởi vì nếu hoàn toàn bị tiêu diệt thì người chứng ngộ biến thành một tượng đá vô tri giác không biết gì. Diệt ở đây có nghĩa là đoạn tận tham sân si, chấm dứt dòng nhân quả nghiệp báo, nghĩa là chấm dứt lậu hoặc gồm dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu và kiến lậu. Độ có nghĩa là vượt qua khỏi biển khổ vô minh, lên bờ giác ngộ. Như vậy chúng ta có thể hiểu Diệt Độ là Niết-Bàn, là Diệt đế, là Giải thoát ra khỏi quy luật luân hồi nhân quả.

Sáu năm khổ hạnh, đức Phật cũng đã từng sống cuộc đời vắng lặng đượm màu tiêu cực ấy; nhưng sau khi thành đạo dưới gốc cây Bồ đề. Ngài đã bắt đầu sống cuộc đời cực kỳ hoạt động. Lấy các đô thị lớn thời bấy giờ làm trung tâm, Đức Phật đã đi khắp nơi để giáo hóa độ sinh, và cứ như thế, nay đây mai đó, ròng rã bốn mươi lăm năm trời, chúng ta có thể xem đó là một tấm gương hoạt động

chối lợi vậy.

Các học phái khác lấy siêu nhân làm chủ nên không quá coi trọng đạo đức thế gian, nhưng Phật giáo thì lấy từ bi làm chủ yếu, chuyên đứng về phương diện đạo đức để giáo hóa người đời, đó là tiếng nói giải thoát. Tại Ấn Độ có nhiều tôn giáo, nhưng chỉ có Phật giáo là lấy toàn thể nhân loại làm đối tượng để truyền giáo, và cũng chỉ có Phật giáo mới có những giáo lý làm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của mọi hạng người. Nguyên nhân tại sao Phật giáo được hưởng ứng khắp toàn cầu cũng chính là ở điểm đó.

Hòa đồng được Tiểu ngã của mình với Đại Ngã của vũ trụ thì lúc ấy mới có giải thoát, chứ không thể có giải thoát trong thế giới hiện thực. Đó là điểm sai khác giữa giải thoát quan của các phái và giải thoát quan Phật giáo và cũng là đặc trưng của giải thoát quan Phật giáo. Do đó trong Phật giáo, nếu nói đến giải thoát mà phủ nhận giá trị của thế giới hiện thực thì không những trái với đạo lý mà còn làm hại cho chính pháp rất nhiều, nhưng đây cũng lại là điểm vô cùng khó khăn, bởi lẽ vẫn sống trong thế giới hiện thực mà làm cách nào để không bị mê hoặc, bị cuốn theo, để tìm cầu giải thoát khỏi hiện thực là một việc mà có lẽ không ai dám tự phụ làm một cách dễ dàng.

Chúng ta thấy chủ nghĩa giải thoát của Phật giáo, nếu nhìn bên ngoài, có vẻ như một chủ nghĩa “không tịch”, nếu căn cứ vào cách hoạt động của đức Phật, nhờ điểm đó mà tìm hiểu ý nghĩa chân thực của giáo lý của Ngài, chúng ta thấy Phật giáo quyết không phải lấy hư vô làm lý tưởng, đó là điều không một nhà học Phật chân chính nào phủ nhận. Nhưng trái lại, đặc chất của chủ nghĩa giải thoát của Phật giáo có thể nói là một chủ nghĩa hoạt động cụ thể nhất.

Quan điểm giải thoát trong Kinh Tiểu Dự Lỗi Cây

Duyên khởi và chính kinh

Duyên khởi

Bà-la-môn Pingalakoccha đến hỏi Đức Phật về nhất thiết trí của 6 ngoại đạo sư. Đức Phật khuyên để một bên vấn đề ấy và thuyết giảng kinh này.

Chính kinh

1. Có 5 hạng người đi tìm lỗi cây:
2. Hạng chặt cành lá đem về.
3. Hạng chặt vỏ ngoài đem về.
4. Hạng chặt vỏ trong đem về.
5. Hạng chặt giác cây đem về.

6. Hạng chặt lõi cây đem về.
7. Có 5 hạng người xuất gia tương đương với 5 hạng người đi tìm lõi cây ở trên
8. Hạng tự mãn với lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng.
9. Hạng tự mãn với giới đức.
10. Hạng tự mãn với thiền định.
11. Hạng tự mãn với thành tựu tri kiến.
12. Hạng thành tựu 4 thiền, 4 không, diệt thọ tưởng định và đoạn tận các lậu hoặc.

III. Mục đích của Phạm hạnh không phải vì lợi ích lợi dưỡng tôn kính danh vọng, thành tựu giới đức, thành tựu thiền định, thành tựu tri kiến. Mục đích phạm hạnh là tâm giải thoát bất động ... và cuối cùng là lời tán thán của Bà-la-môn Pingalakoccha xin quy y Thế Tôn.

Quan điểm giải thoát trong Kinh

Từ chín loại lạc tiên tới đạt được lạc cứu cánh -Tiểu Kinh Thí Dụ Lõi Cây

Chín tầng bậc định → Tri kiến của chín tầng bậc định → Tri kiến thanh tịnh của chín tầng bậc định → Vô sở trước cứu cánh Niết bàn.



Hình minh họa (nguồn: Internet)

Căn cứ theo Tiểu Kinh Thí Dụ Lõi Cây, kinh thuyết giảng cho Bà la môn, những vị chứng đắc chín tầng bậc thiền định vẫn cần phải tu tập đạt đến tri và kiến của chín cấp độ thiền định này, như vậy thì những thiền định này mới có thể hỗ

trợ cho Niết bàn.

Những tri và kiến này đều là để thành tựu giải thoát bất động tâm, một tên gọi khác của Niết bàn. Từ nguồn gốc của kinh này, chúng ta hiểu Thế Tôn cố ý chỉ ra rằng: các năng lực kỳ dị mà đạo khác tu tập và đạt được không giúp ích gì cho việc chứng đắc Niết bàn, thậm chí chín cấp độ thiền định cũng cần phải dựa vào tri và kiến mới có thể thành tựu thù thắng, siêu việt và trợ giúp cho Niết bàn.

Có một vị Bà la môn tên là Pingala-koccho thỉnh giáo đức Phật: sáu phái đạo khác rốt cuộc có tri thức trực tiếp (abbhiññā) hay không?

Thế Tôn đáp rằng ông ta không nên hỏi những câu như vậy. Ngược lại, Thế Tôn còn thuyết pháp và yêu cầu ông ta cung kính lắng tai nghe.

Thế Tôn lấy ví dụ: Có một người đi vào rừng sâu tìm cây gỗ lớn. Anh ta tìm thấy một cái cây to, có lá, có hoa quả, các cành chắc khỏe. Người này ngắt lá, hái hoa quả, chặt các cành to khỏe, rồi rất hài lòng trở về nhà. Anh ta chẳng hề có được gỗ và cũng quên luôn mục đích ban đầu của mình là muốn tìm gỗ. Thế Tôn dạy rằng có những người giỏi tri giới, tinh thông thiền định, thông tri và kiến, cũng vì vậy mà được tán thán, khen ngợi, có thanh danh. Người này mãi chìm đắm trong những lời khen ngợi của người khác, vì thế mà trở nên kiêu ngạo và coi thường những người chưa đạt được thành tựu này. Thế Tôn nói rằng những người này cũng giống như người vào rừng sâu tìm gỗ kia, sau khi hái được lá, quả, chặt được các cành cây thì liền trở về nhà mà quên cả mục đích ban đầu của mình.

Ý Thế Tôn chỉ lực sự ngoại đạo, khi có được chút thành tựu trên con đường tu tập, đạt được các năng lực kỳ dị thì trở nên kiêu ngạo. Họ khoe khoang những năng lực kỳ dị này và lập ra các loại luận thuyết tranh biện với người khác. Họ đã quên mất mục tiêu xuất gia tu phạm hạnh của mình.

Thế Tôn dạy rằng, nếu có vị nào đạt được giới, định, tri và kiến, nhưng không tự hài lòng với mình, ngược lại dùng tri và kiến này đi tìm cầu cảnh giới cao thượng hơn, trác việt hơn, vị đó cuối cùng sẽ chứng đắc Niết bàn. Vị đó chứng đắc thiền thứ nhất. Với tri và kiến đó đồng hành, thiền thứ nhất trở thành cảnh giới cao thượng hơn, trác việt hơn. Nói cách khác, trong lời giáo huấn của Thế Tôn, chúng nhập thiền thứ nhất, cần phải lấy tri kiến làm bạn. Cảnh giới chứng đắc thiền thứ nhất mà không có tri và kiến thì cũng vô ích với đạo giải thoát.

Cũng tương tự như vậy, chúng nhập thiền thứ hai, thiền thứ ba... cho đến tướng thọ diệt định, chỉ cần lấy tri kiến làm bạn, các cảnh giới thiền định này đều là

các cảnh giới cao thượng và trác việt. Nhưng những thành tựu này vẫn không phải là mục tiêu của việc tu tập phạm hạnh, giải thoát bất đoạn tâm mới là mục tiêu của việc tu tập phạm hạnh, giải thoát bất động tâm (akuppā cetovimutti) mới là mục tiêu của việc tu tập phạm hạnh'.

Giải thoát bất động tâm chính là chỉ Niết bàn. người chứng nhập là bậc Thánh giải thoát, như Kinh Tăng Chi Nikāya có chép rằng: Đây các Tỳ kheo, vì đối với thế gian này ta biết được như thực rằng vui vẻ là vui vẻ, nguy hiểm là nguy hiểm, trốn thoát là trốn thoát... Ta sinh khởi tri và kiến đạt được giải thoát bất động tâm, đây là đời sau cùng, không còn sinh vào đời sau nữa'.

Về quan hệ giữa tri và kiến với Niết bàn, chúng ta có thể tham khảo cuộc đối thoại thú vị giữa Tôn giả Xá Lợi Phất và Tỳ kheo Mãn Nguyên Tử trong Kinh Trạm Xe. Tôn giả Xá Lợi Phất hết lòng khen ngợi Tỳ kheo Punṇa Mantāniputta. Một hôm, Tôn giả gặp vị Tỳ kheo này và hỏi rằng: "Tri kiến thanh tịnh có phải là Niết bàn không?" Tỳ kheo Punṇa Mantāniputta trả lời rằng: "Tri kiến thanh tịnh không phải là Niết bàn, mà là để thành tựu vô Sở trước cứu cánh Niết bàn vô sở trước cứu cánh Niết bàn là mục tiêu tu tập phạm hạnh của các đệ tử Thế Tôn. Nói cách khác, kinh này đã chứng minh tri kiến của chín cấp độ thiền định không phải là Niết bàn, chín tầng bậc thiền định này cũng không phải là Niết bàn mà chỉ là trợ duyên để hướng đến Niết bàn.

Đối tượng thuyết pháp của kinh này là Bà la môn. Trong kinh, Thế Tôn thể hiện rõ sự khác biệt giữa phương pháp thiền đạo khác và phương pháp thiền của Thế Tôn, và cũng chỉ ra mối quan hệ giữa thiền định và giải thoát. Các đạo khác chấp thủ bản thân thành tựu thiền định là giải thoát, nhưng Đức Phật dựa trên tri thức của mình về thiền định xác nhận rằng cảnh giới thiền định không phải là Niết bàn. Thiền định không phải là nguyên nhân chính thành tựu giải thoát, thiền định là trợ duyên cho việc thành tựu giải thoát.

Như vậy, Tâm giải thoát bất động là mục đích của phạm hạnh, là lỗi cây, là hạnh phúc chân thật không hề có sự khổ đau; còn lợi dưỡng, danh vọng, giới đức, thiền định, tri kiến đều không phải mục đích của phạm hạnh được, không phải lỗi cây, là hạnh phúc tạm thời của thế giới vật chất vô thường.

Thế nhưng, lòng tham muốn khiến con người chỉ tìm kiếm và chấp nhận chút hạnh phúc tạm bợ mong manh mà không biết thú vui đó là nguyên nhân của khổ. Hạnh phúc ấy luôn luôn bị phụ thuộc vào sự đối đãi của tầng số tăng giảm về lạc thú.

Hôm nay, ta ăn cơm với xì dầu sướng hơn ngày hôm trước, không có xì dầu mà ăn; nhưng xì dầu lại là sự chán bỏ đối với những món ăn khác ngon hơn. Phương

tiện xe đạp là thú vui so với đi bộ, nhưng lại là sự chán bỏ đối với xe máy; và xe máy này là sự chán bỏ đối với xe gắn máy đời mới hơn vv...

Như thế, chúng ta có thể dễ dàng thấy được giá trị hạnh phúc của lợi dưỡng tôn kính, danh vọng; thấy được giá trị hạnh phúc của Giới đức, của Thiền định, của Tri kiến và của Giải thoát bất động. Qua đó chúng ta có thể biết được chúng ta đang sống và cảm thọ ở mức hạnh phúc nào, đồng thời biết định hướng cho mình một hướng đi đúng đắn.

Trong bài kinh này, đức Phật hướng dẫn cho chúng ta thấy rằng mục đích cuối cùng của phạm hạnh phải là Giải thoát bất động. Tuy nhiên, trên chặng đường đi đến mục đích ấy, chúng ta không thể không trải qua bốn giai đoạn trước. Điều quan trọng ở đây là chúng ta không nên cho lạc thú của các giai đoạn do chi phối bước tiên của mình, không nên dừng lại và chấp thủ tự mãn những gì mình đã đạt được.

Lời dạy của đức Phật trong Tiểu Kinh Ví Dụ Lối Cây thật là cao siêu. Những gì đức Phật dạy từ bỏ thì những thứ đó con người đang ngưỡng vọng hướng đến.

Giáo lý đức Phật muôn trình bày trong kinh này không phải là một pháp môn tu tập cụ thể, mà ở đây, Ngài mở ra cho chúng ta một Chánh Tri Kiến, một cách nhìn đúng đắn về lộ trình tu tập đưa đến giải thoát giác ngộ. Tuy được hướng dẫn cho người xuất gia tu phạm hạnh, bài kinh này vẫn có giá trị thiết thực cho bất cứ ai muốn tìm cầu hạnh phúc chân thật mà không sợ bị sai đường lạc lối, không sợ bị rơi vào tà kiến khổ đau. Giải thoát bất động là ngọn hải đăng soi sáng cho những con thuyền lênh đênh đi tìm bờ cập bến, đang đi tìm kiếm hạnh phúc chân thật. Có ngọn đèn, có con đường, đoàn lũ hành lượt sóng vượt qua mà không bị phong ba làm chướng ngại, không bị dòng tục lụy cuốn trôi.

Ứng dụng trong đời sống hiện đại

Thật ra, hạnh phúc khổ đau là chính thái độ con người đối với đối tượng nhận thức, chứ không phải là đối tượng nhận thức. Vả lại, đối tượng nhận thức thuộc thế giới khách quan, luôn luôn vận hành theo quy luật duyên sinh, vô thường, vô ngã: trong khi đó, hạnh phúc mà con người thọ dụng thì thuộc chủ quan tự ngã.

Sự mâu thuẫn giữa thế giới khách quan và tâm ý chủ quan này đã tạo ra biết bao khổ đau trên cuộc đời. Thế nhưng, do ý chí muốn sống đã khiến cho loài hữu tình bất chấp mọi khổ đau để tìm kiếm chút hạnh phúc tạm bợ trong cuộc sống này. Vô minh là thế. Do vậy, vấn đề nhận thức đúng đắn về bản chất và giá trị của hạnh phúc là vấn đề rất quan trọng.

Con đường của đạo Phật là con đường giáo dục. Và giáo dục của đạo Phật là có tính thực nghiệm tri thức, pháp học phải có pháp hành. Phật giáo lấy toàn thể đối tượng để truyền giáo, giáo lú của đạo Phật có thể đáp ứng được những nhu cầu tinh thần của mọi người. Điển hình như khi đưa ra một cái bánh, thì sẽ có người thích và người không thích. Nhưng khi đạo Phật đưa ra thì đa phần đều thỏa mãn được giá trị đạo đức của con người. Vì con người chúng ta cần sự điềm tĩnh, an lạc, bớt phiền não thì đạo Phật đều có thể đáp ứng được.

Nguyên nhân Phật giáo được lan tỏa, phát triển ra toàn cầu là lý do Hòa Bình, vì Phật giáo đến với con người bằng con đường hòa bình và giáo hóa nhân loại cũng trên tinh thần hòa bình. Chính vì thế mà cái được gọi là Niết Bàn, giải thoát. Nếu không có lợi ích gì với thực tế, thực tiễn thì nó cũng không còn ích lợi gì cả. Nó phải mang tính thực tiễn

Giải thoát theo đức Phật thì không chỉ là đạt được sau khi chết mà trái lại có thể ngay trong hiện tại. Hoát nhiên đại ngộ không phải là tự nhiên mà được ngộ, mà là sự chín mùi của sự tu tập. Cái phước của mình là chính, còn về những cái vật chất thì chỉ là nhân duyên, chỉ là dư y mà thôi. Thông thường, sự hưởng thụ dục lạc là khoái lạc duy nhất của người thế tục. Hiển nhiên là có thứ hạnh phúc nhất thời trong khi ta mong đợi thỏa mãn và hồi tưởng những lạc thú vật chất thoáng qua như vậy, nhưng chúng thực là hão huyền, tạm bợ làm sao!

Theo Đức Phật, không chấp thủ mới là niệm an lạc cao quý hơn hết. Đức Phật không mong các tín đồ của Ngài lúc nào cũng nghĩ đến khổ đau và sống một cuộc đời bất hạnh khổ cùng. Ngài khuyến khích họ phải luôn vui tươi và hoan hỷ, vì hỷ là một trong những yếu tố giác ngộ. Hạnh phúc chân thật được tìm thấy trong tâm, không được định nghĩa bằng tài sản, con cái, vinh quang và những sự xâm lấn chiếm đoạt. Nếu những sở hữu được thủ đắc không chính đáng, do ức hiếp, chiếm đoạt bất công mà có, thậm chí nhìn chúng quyến luyến không rời, thì chúng sẽ là nguyên nhân đau khổ cho kẻ sở hữu. Thay vì cố dùng lý lẽ để giải thích đau khổ, Phật giáo thừa nhận nó là điều hiển nhiên và tìm nguyên nhân để diệt trừ nó. Chừng nào còn khả ái thì còn đau khổ. Chỉ có thể diệt trừ đau khổ bằng cách bước theo con đường Bát chánh và đạt đến an lạc tối thượng của Niết-bàn.

Bốn chân lý này có thể được xác chứng bằng thực nghiệm. Vì thế, Phật pháp không căn cứ trên lòng sợ hãi về cái không được biết, mà đặt nền tảng trên các sự kiện mà chúng ta có thể thí nghiệm và minh xác bằng chính kinh nghiệm của chúng ta. Do đó, Phật giáo rất hợp lý và thực tiễn. Một hệ thống hợp lý và thực tiễn như thế không thể chứa những nghi lễ bí truyền và mật truyền. Do đó, lòng tin mù quáng rất xa lạ đối với đạo Phật. Nơi nào không có lòng tin mù quáng thì

nơi đó không có sự cưỡng bức, đàn áp và cưỡng tìn.

Quả thật như thế, trong tâm chúng ta đều có những hạt giống của hạnh phúc và cả những hạt giống của khổ đau. Và khi phần khổ đau quá lớn, không có khả năng nhận diện các khổ đau trong tâm để chuyển hóa. Như vậy, đời sống hằng ngày của chúng ta chỉ là sự trốn chạy những khổ đau và che lấp những khổ đau đó bằng những thứ vô bổ. Nên biết rằng, trong khi ta đi tìm những thứ vô bổ đó thì sẽ gián tiếp đưa vào trong tâm những độc tố mà đức Thế Tôn đã gọi tên là tham đắm, si mê... vì vậy, cho nên những phương pháp tu tập hiệu quả là phải nhận diện những độc tố đó và tìm cách chuyển hóa chúng.

Đức Phật từng bênh vực cho những kẻ bị ngược đãi, chỉ rõ cái giá trị siêu việt của mọi người, dắt người qua khỏi sông mê, mở mắt cho những kẻ tà kiến mù quáng, đưa họ trở về chính đạo như thật.

Trong lịch sử xưa nay biết bao người tắm mình trong biển pháp mà trở nên sạch sẽ, nhờ ánh tuệ đăng soi đường mà chữa được căn bệnh mù loà, nhờ uống pháp vị cam lồ mà đau khổ tiêu tan, trở nên bất tử. Cái khát vọng giải thoát mọi khổ đau, đạt được trí tuệ sáng suốt, an vui tự tại giữa dòng trường lưu sinh tử là niềm khao khát triền miên của tất cả nhân sinh.

Từ xưa đến nay, bất cứ trong hoàn cảnh lịch sử nào mà những truyền thống dân tộc bị lãng quên, đạo đức xã hội bị suy thoái, niềm tin bị khủng hoảng, các giá trị tinh thần bị khinh rẻ, thì chính lúc ấy, những khát vọng kia càng trở dậy mãnh liệt.

Ngày nay, khoa học, kĩ thuật đã tiến bộ vượt bậc, nền văn minh vật chất gần đạt đến tột đỉnh, con người hưởng được những tiện nghi vô cùng đầy đủ, nhưng nhân loại vẫn cảm thấy hoang mang, và khát khao một giá trị tinh thần bất diệt.

Phải chăng đó là lúc mà sự có mặt của đạo Phật cần thiết hơn bao giờ hết, để đưa ra những giải đáp thích đáng cho những vấn đề bức xúc của xã hội loài người?

Tác giả: **Thích nữ Huệ Tâm**

Học viên Thạc sĩ khóa II - Học viện PGVN tại Huế

Tài liệu tham khảo:

[1]. ĐTKVN, *Trường Bộ Kinh*, Thích Minh Châu dịch (2017), Nxb Tôn Giáo, Hà Nội.

- [2]. Thích Minh Châu (2011), *Dàn Ý Kinh Trung Bộ Và Tóm Tắt Kinh Trường Bộ*, Nxb Tổng hợp TP. HCM
- [3]. Thích Nữ Trí Hải (2021), *Giải Thoát Trong Lòng Tay*, Nxb Hồng Đức.
- [4]. Thích Quảng Độ (1969), *Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, Nxb Viện Đại Học Vạn Hạnh.
- [5]. Thích Đồng Hằng (2021), *Giải Mã Thiền Định Và Giải Thoát...Chìa Khóa Chứng Ngộ Của Đức Phật*, Nxb Dân Trí.
- [6]. Thích Minh Châu (2002), *Đạo Đức Phật Giáo Và Hạnh Phúc Con Người*.